

# 恒利会计与顾问有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD



## 税务新知 AC-2101

### Điểm tin Thuế

**标题** 对于辅助工业产品生产预案优惠企业所得税规定之变更内容摘要 (第 57/2021/NĐ-CP 号议定)

**Tiêu đề** NỘI DUNG TÓM TẮT THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN ĐỐI VỚI DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

**编撰** 经理 阮维成 会计师

**Người soạn** Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

**涉及范围** 越南税务、越南企业所得税、越南税务优惠

**Phạm vi liên quan** Thuế Việt Nam, Thuế TNDN Việt Nam, Ưu đãi thuế Việt Nam

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务



# A.

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

A. 本议定再补充于第 218/2013/NĐ-CP 号议定第 20 条 2 款 g 点旨在明确引导对于优先发展补助工业产品（新投资及扩大投资）生产预案之企业所得税优惠政策，获享优惠包括以下应注意各条件：

Nghị định bổ sung thêm điểm g vào khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP nhằm hướng dẫn rõ chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, ưu đãi được hưởng gồm các điều kiện cần lưu ý như sau:

- 优先发展补助工业产品清单（见 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 号议定之附录 1）。

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (Xem phụ lục 1 đính kèm – trích dẫn từ nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015).

- 预案（新投资及扩大投资）必须于 2015/01/01 之前执行但之后才获核发优惠确认书。生产属于优先发展补助工业产品清单之辅助工业产品预案：包括新投资预案、扩大投资及创新工艺有应用新设备、新生产流程、生产产品增加生产能力至少 20% 之预案（2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 号议定第 11 条 1 款）。

Dự án (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) phải thực hiện từ trước 1/1/2015 nhưng sau này mới được cấp giấy xác nhận ưu đãi. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%. (Khoản 1, điều 11, nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015).

# A

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

- 对于属于优先发展补助工业产品清单之补助工业产品生产预案必须有由工商部核发之优惠确认书（详见对于补助工业产品生产预案之核发优惠确认书手续）。

Phải có giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Bộ công thương cấp. (Xem thêm thủ tục giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ)

- 此预案未获享任何优惠则获审查享有生产补助工业产品之优惠从出具优惠确认书之计税期算起。

Dự án này chưa được hưởng bất kỳ ưu đãi thuế nào thì được xét hưởng ưu đãi theo diện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

**例如1：**2010年，企业在非属税优惠清单地区落实扩大投资预案。

**Ví dụ 1:** Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế.

在2011年计税期，预案衍生营业额及课税所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế.

计至2016年计税期，来自预案之所得未获享企业所得税之优惠。

Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016, thu nhập từ dự án chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

# A.

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在 2017 年计税期，预案获核发生产辅助工业产品之优惠确认。据此，从 2017 年计税期起预案获依扩大投资生产辅助工业产品预案之条件享有企业所得税之优惠。获享优惠时间获确认如下：从 2017 年至 2020 年计税期免企业所得税 4 年，从 2021 年计税期起后续 9 年减应纳企业所得税金之 50%。

Trong kỳ tính thuế năm 2017, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế năm 2017. Thời gian ưu đãi được hưởng được xác định như sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2017 đến năm 2020, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo tính từ kỳ tính thuế năm 2021.

若此预案已依其他优惠条件（若有）享有优惠则获继续在余下期限依生产辅助工业产品之条件享有优惠从具备优惠确认之计税期算起。

Nếu dự án này đã hưởng hết ưu đãi thuế theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có) thì được hưởng tiếp ưu đãi theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

**例如 2：**2010 年，企业在获优惠企业所得税之工业区内落实新投资预案。

**Ví dụ 2:** Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu công nghiệp được ưu đãi thuế TNDN.

在 2012 年计税期，预案衍生课税所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2012, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế.

# A.

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在 2015 年计税期，预案获依工业区条件享有免 2 年企业所得税之优惠，从 2015 年计税期起后续 04 年减应纳企业所得税金之 50%。如此企业还获在 3 年（从 2015 年至 2017 年）减应纳企业所得税金之 50%。计至 2017 年计税期，预案已依工业区之条件享有优惠。

Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Như vậy doanh nghiệp còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm (từ năm 2015 đến năm 2017). Đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng hết ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp.

在 2018 年计税期，预案获核发生产辅助工业产品之优惠确认书。据此，从 2018 年计税期起之余下时间预案获依生产辅助工业产品新投资预案之条件享有企业所得税之优惠。余下优惠时间获确认如下：从 2018 年计税期起 15 年内之企业所得税税率为 10%（由于之前优惠未获享税率之优惠）；从 2018 年计税期起免企业所得税 02 年（按照辅助工业场合为免 04 年扣除工业区之免 02 年），后续 05 年减应纳企业所得税金之 50%（按照辅助工业场合 09 年内减 50% 扣除工业区之免 04 年）。

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (do ưu đãi trước chưa hưởng ưu đãi về thuế suất); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (miễn theo diện công nghiệp hỗ trợ là 4 năm trừ 2 năm miễn đã được hưởng theo địa bàn khu công nghiệp), giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo (giảm 50% trong 9 năm theo diện công nghiệp hỗ trợ trừ 4 năm giảm theo địa bàn khu công nghiệp).

# A

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

- 若此预案依其他条件正享有税优惠期间则获在余下期限转为依生产辅助工业产品之条件享有优惠从具备优惠确认书之计税期算起。  
Nếu dự án này đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện khác thì được chuyển sang hưởng ưu đãi theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

**例如3**：2014年，企业在经济-社会条件有困难之地区落实新投资预案。

**Ví dụ 3:** Năm 2014, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

在2014年计税期，预案衍生营业额。

Trong kỳ tính thuế năm 2014, dự án phát sinh doanh thu.

在2015年计税期，预案衍生课税所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế.

预案获依经济-社会有困难地区之条件享有优惠，具体：从2014年计税期起10年内适用20%之税率（从2016年计税期起适用17%税率）；从2015年计税期免02年企业所得税，后续04年减应纳税金之50%。计至2017年计税期，预案已获享优惠：优惠税率年数04年，免企业所得税年数02年，减企业所得税年数01年。

Dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cụ thể: thuế suất 20% trong thời gian 10 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2014 (kể từ kỳ tính thuế 2016 áp dụng thuế suất 17%); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế 2015, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng ưu đãi: số năm thuế suất ưu đãi 04 năm, số năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, số năm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm.

# A.

## 优先发展补助工业产品生产预案之企业所得税优惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在 2018 年计税期，预案获核发生产辅助工业产品之优惠确认书。据此，从 2018 年计税期起之余下时间预案获依生产辅助工业产品之条件享有企业所得税之优惠。余下优惠时间获确认如下：从 2018 年计税期起 11 年内之企业所得税税率为 10%；从 2018 年计税期起免企业所得税 02 年，后续 08 年减应纳企业所得税金之 50%。

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 11 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 08 năm tiếp theo.

# B.

## 核发优惠确认书之相关问题

### Các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy xác nhận ưu đãi

**B.** 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 号议定第 11 条 2、3、4、5 款明确规定对于生产辅助工业产品预案之手续、卷宗及核发优惠确认书之解决时间：

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 tại khoản 2, 3, 4, 5 điều 11 qui định rõ thủ tục, hồ sơ và thời gian giải quyết việc cấp giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- 确认优惠手续：

Thủ tục xác nhận ưu đãi:

- a) 中小企业生产属于优先发展辅助工业产品清单之辅助工业产品各预案可以送申请确认卷宗于设置预案当地之权责机关或工商部以获确认。当地之权责机关寄优惠确认决定至工商部;

Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi đặt dự án hoặc Bộ Công Thương để được xác nhận. Cơ quan có thẩm quyền của địa phương gửi Quyết định xác nhận ưu đãi tới Bộ Công Thương;

- b) 上项所规定各对象以外之余下各对象，送申请确认卷宗于工商部。

Các đối tượng còn lại ngoài các đối tượng quy định ở mục trên, nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tại Bộ Công Thương.

- 确认优惠时间：

Thời gian xác nhận ưu đãi:

- a) 根据企业之优惠申请确认卷宗; 在 30 个工作日内，确认机关有责任向企业通知结果;

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp; trong thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan xác nhận có trách nhiệm thông báo kết quả cho doanh nghiệp;



# B.

## 核发优惠确认书之相关问题

### Các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy xác nhận ưu đãi

b) 若卷宗不足够确认优惠条件之依据，从收到卷宗后 05 个工作日内，确认机关必须以书面通知相关组织、个人以补充卷宗；当具备足够合规卷宗后则确认机关必须从收到足够补充卷宗后最迟 30 个工作日内通知优惠审查结果。 Trường hợp hồ sơ chưa đủ cơ sở để xác nhận đủ điều kiện ưu đãi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan xác nhận phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có liên quan để bổ sung hồ sơ; sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan xác nhận phải ra thông báo kết quả xét duyệt ưu đãi chậm nhất sau 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung.

- 优惠后检：

Hậu kiểm ưu đãi:

生产属于优先发展清单之辅助工业各产品预案但不因应各优惠条件将被收回并偿还已获享各优惠。

Dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện ưu đãi sẽ bị thu hồi và bồi thường các ưu đãi đã được hưởng.

- 卷宗成份、送件各步骤见附录 2。

Thành phần hồ sơ, các bước nộp hồ sơ xem phụ lục 2.

**备注：**由于计算优惠期是非常重要的，我们谨建议如企业有对此议定内容有疑问应参考原文或咨询专业人员以正确应对，从而依法律之规定执行，更欢迎贵司直接联系我司以获得协助及专业意见。

**Note:** Nhân đây, do việc tính thời gian miễn giảm thuế rất quan trọng, chúng tôi cũng xin khuyến cáo doanh nghiệp nếu có phát sinh vấn đề nêu trên nên tham khảo đến văn bản gốc và người có chuyên môn để có hướng dẫn chính xác hơn, từ đó thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Quý doanh nghiệp cũng có thể liên hệ trực tiếp với chuyên viên của chúng tôi để được hỗ trợ và tư vấn thêm, đồng thời cung cấp ý kiến chuyên môn cho Quý doanh nghiệp.

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

(Ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ)

(頒行附訂于政府2015年11月03日第111/2015/NĐ-CP号议定)

### 一、纺织-成衣业：

#### Ngành Dệt - May:

- 天然纤维：棉、黄麻、麻、蚕丝；  
Xơ thiên nhiên: Bông, đay, gai, tơ tằm;
- 合成纤维：PE、粘胶纤维；  
Xơ tổng hợp: PE, Viscose;
- 针织纱、机织纱；高强力涤纶纱、高强力氨纶纱、尼龙；  
Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao;
- 面料：技术面料、无纺布、针织布、机织布；  
Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi;
- 纺织业之缝纫线；  
Chỉ may trong ngành dệt may;
- 服务染整业之化学品、助剂、染料；  
Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải;
- 成衣业辅料：钮扣、墨西哥、拉链、松紧带。  
Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

### 二、皮革-鞋业：

#### Ngành da-giày

- 鞣制皮革；  
Da thuộc;
- 人造革；  
Vải giả da;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 鞋底、鞋尖、鞋带;  
Đế giày, mũi giày, dây giày;
- 鞣制化学品;  
Hóa chất thuộc da;
- 盐皮;  
Da muối;
- 缝鞋用线;  
Chỉ may giày;
- 粘鞋胶水，装饰配件如：搭扣、孔眼、钩子等等。  
Keo dán giày, Phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc...

### 三、电子业：

#### Ngành điện tử:

- 基础电子-光电组件：晶体管、集成电路、传感器、电阻、电容、二极管、天线、晶闸管;  
Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor;
- 石英组件；  
Linh kiện thạch anh;
- 电子线路；  
Vi mạch điện tử;
- 制造电子元件材料：半导体、硬磁材料、软磁材料、正极绝缘体;  
Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- 电子产品零件：塑料零件、橡胶零件、机-电子零件、玻璃零件;  
Linh kiện sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 用于笔记本电脑、手机之电池;  
Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;
- 电线及电缆、LED 灯、手机耳机及音箱 ;  
Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa;
- 手机充电器 ;  
Sạc pin điện thoại;
- 各种屏幕。  
Màn hình các loại.

### 四、汽车生产组装业：

#### Ngành sản xuất lắp ráp ô tô:

- 引擎及引擎配件：缸体、活塞、曲轴、连杆、齿轮、排气管总成、气缸、气缸盖总成、凸轮轴、活塞环、引擎气门；  
Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- 润滑系统：机油滤清器、冷却器、散热器、油泵、阀门；  
Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;
- 冷却系统：散热器、水箱、鼓风机、恒温阀、水泵；  
Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- 供油系统：油箱、燃油滤清器、空气滤清器、燃油泵管道、化油器、燃油喷射系统；  
Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;
- 框架-车身-车门：冲压板、底盘、车厢、上下台阶、车门总成等套件；  
Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 悬挂系统：镊子、弹性弹簧、减震器；  
Hệ thống treo: Nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- 车轮：轮胎、铝合金轮辋；  
Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- 动力系统：离合器、变速箱、车桥、车轴；  
Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- 驱动系统；  
Hệ thống lái;
- 制动系统；  
Hệ thống phanh;
- 电-电子零件：  
Linh kiện điện - điện tử:
  - + 电源：电池、发电机；  
Nguồn điện:Ắc quy, máy phát điện;
  - + 点火装置：火花塞、高压、变压器；  
Thiết bị đánh lửa: Bugi, cao áp, biến áp;
  - + 启动继电器，启动电机；  
Role khởi động, động cơ điện khởi động;
  - + 电线、连接器、保险丝、传感器、自动控制设备、处理器。  
Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý.
- 照明及信号系统：各种灯、喇叭、仪表；  
Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ đo các loại;
- 汽车尾气处理系统；  
Hệ thống xử lý khí thải ô tô;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 汽车塑料零件；  
Linh kiện nhựa cho ô tô;
- 橡胶零件、减震材料；  
Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn;
- 挡风玻璃、雨刷、汽车座椅。  
Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe.

### 五、机器制造业：

#### Ngành Cơ Khí Chế Tạo:

- 模具、治具：冲压模具、铸造模具、加工治具、检验治具；  
Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- 工具 - 刀具：车床、铣刀、钻头；  
Dụng cụ - dao cắt: Dao tiện, dao phay, mũi khoan;
- 机械加工机、焊接机零配件；  
Linh kiện và phụ tùng máy gia công cơ khí, máy hàn;
- 发动机、农业机械、造船之零配件；  
Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;
- 农林渔业及盐业加工机械设备、零配件；  
Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị chế biến nông lâm thủy sản và muối;
- 使用于机械之测量、测试仪器：标尺、3D 测量仪、金属成分分析仪、超声波焊机；  
Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm môi hàn;
- 机器套件：高强度螺栓、高强度螺丝、轴承、轴承环、齿轮、阀门、各种接头、机器外壳、冲压套件、变速箱、液压缸；  
Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 制造钢。  
Thép chế tạo.

### 六、高科技工业之辅助工业产品：

#### Các Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Cho Công Nghiệp Công Nghệ Cao

- 各种模具：高精密度模具、高精密度塑料模具；  
Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- 各种标准高质量机械零配件：用于电子设备、机电子、医疗电子、工业机械人之高精密度螺母、螺栓、螺丝；  
Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- 用于设备开发各种设备的电子元件、微电子电路：外围设备、电脑、家用电子产品、视听设备、太阳能电池；各种微处理器芯片；控制器（PLC可编程控制器、CNC控制器等等）；  
Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
- 用于新能源及再生能源发电设备系统之组件、配件；  
Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- 优质塑料零件：精密驱动器，耐用及寿命长、耐热及耐磨之塑料部件；  
Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;

# 附录 1：优先发展之辅助工业产品清单

## Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 各种传感器：气体传感器、加速传感器、磁场传感器；生物传感器、温度传感器、湿度传感器、光传感器、压力传感器等等；  
Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....;
- 各种新一代电机：电机、磁力驱动电机、伺服电机（步进电机）、磁阻电机、直线电机；  
Các loại động cơ thế hệ mới: Động cơ điện, động cơ ổ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
- 高精密度执行器。  
Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao.



## 附录 2：卷宗成份及各送件步骤

# Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

### 确认生产辅助工业产品预案优惠之卷宗

#### Hồ sơ xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

卷宗数量：06 份（01 份正本及 05 份复印本）。其中，卷宗必须获密封及封面必须注明申请优惠组织、个人之相关信息。若预案变更适用投资优惠之条件则寄补充资料（有变更部分之内容）到权责机关以供审查。

Số lượng hồ sơ: 06 bản (01 bản chính và 05 bản sao). Trong đó, hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi. Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

### 卷宗成分

#### Thành phần hồ sơ

1. 按照范本之申请确认优惠文件；

Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi theo mẫu;

2. 企业注册确认书/营业注册确认书；

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. 预案之说明：

Thuyết minh dự án:

- 若预案获首次落实或独立营运：投资（预案）报告；

Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư;

- 若预案正在生产：

Trường hợp dự án đang sản xuất:

## 附录 2：卷宗成份及各送件步骤

### Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

- + 说明生产流程、基础设施（厂房）、机器设备（各主要工段符合单位产品及正生产规模之专业机器设备清单及功率；测量、品检设备等等）；生产功率；申请确认优惠文件前最近年度之独立审计报告（或财务报告）；

Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

- + 说明投资扩大规模、创新工艺有应用新设备、新生产流程以增加生产能力最少 20%。

Thuyết minh đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

4. 依环保法规定核阅环评报告之决定书（对于新投资预案）或环保切结书或工程完成之确认书（对于正在营运之预案）。

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

5. 符合欧盟技术标准之确认书（各标准由欧洲标准化委员会颁行）或依商品产品质量法律规定获许可营运之认证组织核发之相当认证（若有）。

Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

## 附录 2：卷宗成份及各送件步骤

# Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

### 优惠确认手续

### Thủ tục xác nhận ưu đãi

#### 第 1 步：送件

#### Bước 1: Nộp hồ sơ

企业直接送件或经邮电或线上送件到以下机关：

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến tới cơ quan dưới đây:

- 对于中小企业生产属于优先发展辅助工业产品清单之辅助工业产品各预案：送件于设置预案当地之权责机关或工商部。企业仅可送件于一个机关，当地之权责机关寄优惠确认书决定至工商部；

Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi đặt dự án hoặc Bộ Công Thương. Doanh nghiệp chỉ được nộp hồ sơ tại một cơ quan, cơ quan có thẩm quyền của địa phương gửi Quyết định xác nhận ưu đãi tới Bộ Công Thương;

- 余下各对象：送件到工商部。

Các đối tượng còn lại: nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương.

在 05 个工作天期限内，权责机关检查卷宗之合规性、足够性。若卷宗不足够及不合规，权责机关以书面通知组织、个人以补充、完整卷宗。

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

## 附录 2：卷宗成份及各送件步骤

# Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

### 第2步：审定卷宗

#### Bước 2: Thẩm định hồ sơ

在 15 个工作天期限内，权责机关进行审定卷宗内容，若必要将在单位作实际检查并最迟于 30 个工作天后必须以书面通知优惠确认书结果。权责机关依以下各内容审定卷宗：

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở và phải có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau 30 ngày làm việc. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ theo các nội dung sau:

- 生产预案对政府 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 号议定有关发展辅助工业之符合性。  
Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- 预案之法理手续。  
Thủ tục pháp lý của dự án.
- 适用各技术-工艺于生产预案之可行性、合理性。  
Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật – công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.
- 预案之财务能力、投资效益。  
Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.
- 预案对环保各条件之因应能力。  
Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

## 附录 2：卷宗成份及各送件步骤

# Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

### 第 3 步：确认优惠

#### Bước 3: Xác nhận ưu đãi

落实预案当地之权责机关或工商部确认优惠对于中小企业生产属于优先发展辅助工业产品清单之辅助工业产品各预案。

Cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi thực hiện dự án hoặc Bộ Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

工商部确认优惠对于生产属于优先发展辅助工业产品清单之辅助工业产品预案之余下各对象。

Bộ Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho các đối tượng còn lại.

根据企业之申请确认优惠卷宗; 在 30 个工作天期限内，确认机关有责任向企业通知结果。

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp; trong thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan xác nhận có trách nhiệm thông báo kết quả cho doanh nghiệp.

Số: 57/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ ĐỊNH**

**Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP  
(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP)  
về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất  
sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.*

**Điều 1. Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:**

“g) Doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

g1) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự

án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g2) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đã hưởng hết ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g3) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g4) Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại nêu tại điểm g2 và g3 điểm này:

Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm miễn thuế, số năm giảm thuế, số năm hưởng thuế suất ưu đãi đã được hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác, cụ thể như sau:

- Thời gian miễn thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian miễn thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian giảm thuế còn lại bằng thời gian giảm thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi còn lại bằng thời gian ưu đãi thuế suất theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi thuế suất đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có).

g5) Các ví dụ cụ thể:

Ví dụ 1: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế. Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016, thu nhập từ dự án chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong kỳ tính thuế năm 2017, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành kể từ kỳ tính thuế năm 2017. Thời gian ưu đãi được hưởng được xác định như sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm tính

từ kỳ tính thuế năm 2017 đến năm 2020, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo tính từ kỳ tính thuế năm 2021.

Ví dụ 2: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu công nghiệp (không thuộc địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và đô thị loại I trực thuộc tỉnh, các quận, đô thị này không bao gồm các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009). Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu. Trong kỳ tính thuế năm 2012, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp theo quy định của Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại từ năm 2015 (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015). Như vậy doanh nghiệp còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm (từ năm 2015 đến năm 2017). Đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng hết ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp.

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Ví dụ 3: Năm 2014, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Trong kỳ tính thuế năm 2014, dự án phát sinh doanh thu. Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cụ thể: thuế suất 20% trong thời gian 10 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2014 (kể từ kỳ tính thuế 2016 áp dụng thuế suất 17%); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế 2015, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng ưu đãi: số năm thuế suất ưu đãi 04 năm, số năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, số năm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm.

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 11 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 08 năm tiếp theo.”



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định này (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp (nếu có) thì người nộp thuế có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng (nếu có). Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). **444**

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Lê Minh Khái**



## 联络方式 / Liên lạc chúng tôi



No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务

